



Original Article

# The Limitation on Human Rights in Accordance with International Standards and Its Application for Cyberspace in Vietnam

Tuong Duy Kien\*

*Ho Chi Minh National Academy of Politics, 135 Nguyen Phong Sac, Hanoi, Vietnam*

Received 26 February 2024

Revised 19 July 2024; Accepted 25 December 2024

**Abstract:** Human rights are sacred and inalienable for every individual and every citizen. Nonetheless, not all human rights are absolute. In fact, some human rights can be subject to limitations in particular circumstances where the State can impose some measures to restrict certain rights to protect national security, public order, social morality and other's rights and freedoms. This article makes an in-depth analysis of the derogation or restriction of human rights and freedoms in accordance with international standards and its application in cyberspace in Vietnam today. The author proposes some solutions and recommendations for the improvement of institutions and laws, aligning them with international standards on derogation and fulfilling the requirement for respecting and ensuring human rights under the socialist rule-of-law state as Vietnam enters a new era of growth and development.

**Keywords:** Human rights, limitations on human rights, cyberspace.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [tuongduykien@yahoo.com](mailto:tuongduykien@yahoo.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4630>

# Vấn đề hạn chế quyền con người theo chuẩn mực quốc tế và sự vận dụng trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay

Tường Duy Kiên \*

*Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 135 Nguyễn Phong Sắc, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 26 tháng 02 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 7 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 12 năm 2024

**Tóm tắt:** Quyền con người đối với mỗi cá nhân, công dân là vấn đề thiêng liêng, bất khả xâm phạm, tuy nhiên không phải tất cả các quyền đều là tuyệt đối, mà trên thực tế một số quyền và tự do cơ bản của con người trong những trường hợp cụ thể vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội hay vì quyền và tự do của người khác, nhà nước có thể áp đặt một số hạn chế trong thực hiện. Bài viết này đi sâu phân tích vấn đề hạn chế quyền và tự do cơ bản của cá nhân theo chuẩn mực quốc tế và sự vận dụng vấn đề hạn chế quyền con người trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay. Tác giả đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện thể chế, pháp luật, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về hạn chế quyền con người theo yêu cầu tôn trọng, bảo đảm quyền con người trong Nhà nước pháp quyền khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

**Từ khóa:** Quyền con người, hạn chế quyền, không gian mạng.

## 1. Chuẩn mực quốc tế về vấn đề hạn chế quyền và tự do cơ bản của cá nhân

1.1. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 và hai công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 (Công ước về quyền dân sự và chính trị - ICCPR; Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa - ICESCR), cùng các Nghị định thư bổ sung tạo thành Bộ luật quốc tế về quyền con người, là nền tảng của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người hiện nay. Ngay từ khi ra đời vấn đề quyền con người và trách nhiệm xã hội của cá nhân con người đã được bàn luận và quy định trong bản Tuyên ngôn. Theo đó, không phải tất cả các quyền, các nguyên tắc của quyền con người đều được quy định, áp dụng và thực hiện giống nhau.

Xét về nguồn gốc, quyền con người là cho tất cả mọi người vì đó là “tạo hóa ban cho”, và do đó Điều 2 của bản Tuyên ngôn đã quy định nguyên tắc bất di bất dịch là “không phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội,...” [1] vì đơn giản họ là con người. Cùng với việc xác lập về các quyền, Tuyên ngôn cũng quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của cá nhân con người, theo đó:

“1. Mọi người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng là nơi duy nhất mà ở đó nhân cách của bản thân họ có thể phát triển tự do và đầy đủ.

2. Trong khi hưởng thụ các quyền và tự do của mình, mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định, nhằm mục đích bảo đảm sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tuongduykien@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4630>

quyền và tự do của người khác, cũng như nhằm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ” [1].

Từ nguyên tắc quyền và nghĩa vụ trách nhiệm nêu trong bản tuyên ngôn, hai công ước năm 1966 đã phát triển và cụ thể hóa bằng các quy định cụ thể theo hướng xác định những quyền nào phải được thực hiện ngay, gọi đó là các quyền tuyệt đối - *absolute rights*<sup>1</sup>; quyền cần được thực hiện dần dần, từng bước (*Progressive implementation - quyền tương đối*)<sup>2</sup> và các quyền có thể bị hạn chế (*human rights limitations - hạn chế quyền*).

1.2. Vấn đề hạn chế quyền và tự do cơ bản của cá nhân con người là một vấn đề lớn, được cụ thể hóa chi tiết trong nhiều điều khoản của cả hai công ước năm 1966. Theo đó nguyên tắc hạn chế quyền được quy định trong cả hai Công ước như sau:

<sup>1</sup> Các quyền cần thực hiện ngay: là các quyền đòi hỏi nhà nước phải bảo đảm thực hiện ngay lập tức, vì đó là ranh giới, là “ngưỡng” của sự có hay không có quyền con người. Ví dụ bảo đảm quyền không bị tra tấn, nhục hình, quyền được xét xử công bằng, không bị phân biệt đối xử; quyền tự do tư tưởng; quyền không bị bắt làm nô lệ; quyền không bị xét xử hai lần... Lý do chính là, thực hiện các quyền này không quá lệ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, xã hội; nước nào cũng có thể thực hiện được.

<sup>2</sup> Các quyền đòi hỏi thực hiện dần dần. Là các quyền đòi hỏi Nhà nước từng bước một có chính sách cụ thể để nâng cao đời sống, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Ví dụ bảo đảm quyền về nhà ở, quyền bảo hiểm thất nghiệp, quyền chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm. Thực hiện dần dần vì nó phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia.

<sup>3</sup> Điều 8. ICESCR.

1. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết bảo đảm:  
a) Quyền của mọi người được thành lập và gia nhập công đoàn do mình lựa chọn, theo quy chế của tổ chức đó, để thúc đẩy và bảo vệ các lợi ích kinh tế và xã hội của mình. Việc thực hiện quyền này chỉ bị những hạn chế quy định trong luật và là cần thiết đối với một xã hội dân chủ, vì lợi ích của an ninh quốc gia và trật tự công cộng, hoặc vì mục đích bảo vệ các quyền và tự do của những người khác;

Điều 4, ICECSR quy định nguyên tắc các quốc gia thành viên có thể đặt ra những giới hạn trong việc thực hiện quyền con người, với các điều kiện: *Những hạn chế đó phải được quy định trong luật; không được trái với bản chất của các quyền có liên quan và vì lý do duy nhất nhằm thúc đẩy lợi ích chung trong một xã hội dân chủ* [2]. Bên cạnh đó, ICCPR quy định cụ thể các quyền con người có thể bị hạn chế và các lý do cho việc có thể áp đặt các hạn chế bao gồm: *An ninh quốc gia; Trật tự công cộng; Đạo đức và sức khỏe cộng đồng; Quyền và tự do của người khác.*

Trên cơ sở các nguyên tắc chung như trên, cả hai Công ước quy định các quyền cụ thể bị hạn chế bao gồm: Quyền thành lập và gia nhập công đoàn (điểm a, c, khoản 1, Điều 8 ICESCR<sup>3</sup>; Quyền tự do đi lại và cư trú (khoản 3, Điều 12 ICCPR)<sup>4</sup>; Quyền được xét xử công bằng và công khai (khoản 1, Điều 14 ICCPR)<sup>5</sup>; Quyền tự do

c) Quyền của các công đoàn được hoạt động tự do, không bị bất kỳ sự hạn chế nào ngoài những hạn chế do pháp luật luật quy định và là cần thiết đối với một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia và trật tự công cộng, hoặc nhằm mục đích bảo vệ các quyền và tự do của người khác.

<sup>4</sup> Điều 12. ICCPR

1. Bất cứ ai cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của một quốc gia đều có quyền tự do đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia đó.

2. Mọi người đều có quyền tự do rời khỏi bất kỳ nước nào, kể cả nước mình.

3. Những quyền trên đây sẽ không phải chịu bất kỳ hạn chế nào, trừ những hạn chế do luật định và là cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội hoặc các quyền tự do của người khác, và phải phù hợp với những quyền khác được Công ước này công nhận

<sup>5</sup> Điều 14

1. Mọi người đều bình đẳng trước các tòa án và cơ quan tài phán. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội người đó trong các vụ án hình sự, hoặc để xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong các vụ kiện dân sự. Báo chí và công chúng có thể không được phép tham dự toàn bộ

tôn giáo và tín ngưỡng (khoản 3, Điều 18 ICCPR)<sup>6</sup>; Quyền tự do ngôn luận (khoản 2, Điều 19 ICCPR)<sup>7</sup>; Quyền hội họp hòa bình (Điều 21 ICCPR)<sup>8</sup>; Quyền tự do lập hội (Điều 22, ICCPR)<sup>9</sup>.

Song song với việc quy định cụ thể các quyền có thể bị hạn chế, Điều 4 ICCPR cũng quy định vấn đề thoái lui nghĩa vụ của quốc gia trong

hoặc một phần của phiên toà vì lý do đạo đức, trật tự công cộng hoặc an ninh quốc gia trong một xã hội dân chủ, hoặc vì lợi ích cuộc sống riêng tư của các bên tham gia tố tụng, hoặc trong chừng mực cần thiết, theo ý kiến của toà án, trong những hoàn cảnh đặc biệt mà việc xét xử công khai có thể làm phương hại đến lợi ích của công lý. Tuy nhiên mọi phán quyết trong vụ án hình sự hoặc vụ kiện dân sự phải được tuyên công khai, trừ trường hợp vì lợi ích của người chưa thành niên hay vụ việc liên quan đến những tranh chấp hôn nhân hoặc quyền giám hộ trẻ em.

<sup>6</sup> Điều 18.

3. Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự giới hạn đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác

<sup>7</sup> Điều 19.

2. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ.

3. Việc thực hiện những quyền quy định tại khoản 2 điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, việc này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật và là cần thiết để:

- a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác,
- b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội

<sup>8</sup> Điều 21. Quyền hội họp hoà bình phải được công nhận. Việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ những hạn chế do pháp luật quy định và là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, và để bảo vệ sức khỏe và đạo đức xã hội hoặc bảo vệ quyền và tự do của những người khác.

<sup>9</sup> Điều 22.

việc thực hiện quyền/hay nói theo một cách khác đó là vấn đề tạm đình chỉ thực hiện quyền (derogating from their obligations<sup>10</sup>).

Nhằm làm rõ thêm các căn cứ của việc hạn chế quyền và thoái lui nghĩa vụ các quyền dân sự và chính trị, tránh việc lạm quyền ở các quốc gia thành viên, năm 1984 một Hội nghị quốc tế đã được tổ chức tại thành phố Siracusa, (Ý)<sup>11</sup> và đã

1. Mọi người có quyền tự do lập hội với những người khác, kể cả quyền lập và gia nhập các công đoàn để bảo vệ lợi ích của mình.

2. Việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ những hạn chế do pháp luật quy định và là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, và để bảo vệ sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hay các quyền và tự do của người khác. Điều này không ngăn cản việc đặt ra những hạn chế hợp pháp trong việc thực hiện quyền này đối với những người làm việc trong các lực lượng vũ trang và cảnh sát.

<sup>10</sup> Điều 4.

1. Trong thời gian có tình trạng khẩn cấp xảy ra đe dọa sự sống còn của quốc gia và đã được chính thức công bố, các quốc gia thành viên có thể áp dụng những biện pháp tạm đình chỉ thực hiện các quyền nêu ra trong Công ước này, trong chừng mực do nhu cầu khẩn cấp của tình hình, với điều kiện những biện pháp này không trái với những nghĩa vụ khác của quốc gia đó xuất phát từ luật pháp quốc tế và không chứa đựng bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo hoặc nguồn gốc xã hội.

2. Điều này không được áp dụng để tạm đình chỉ thực hiện các quyền được quy định trong điều 6, 7, 8 (các khoản 1 và 2), 11, 15, 16 và 18.

3. Bất kỳ quốc gia thành viên nào của Công ước này khi sử dụng quyền được tạm đình chỉ thực hiện nghĩa vụ quốc gia nêu trong điều này đều phải thông báo ngay cho các quốc gia thành viên khác, thông qua trung gian là Tổng thư ký Liên hợp quốc, về những quy định mà quốc gia đó đã tạm đình chỉ và lý do của việc tạm đình chỉ đó. Việc thông báo tiếp theo sẽ được thực hiện, cũng thông qua trung gian trên, vào thời điểm quốc gia chấm dứt việc áp dụng sự hạn chế đó.

<sup>11</sup> Hội nghị quốc tế được tổ chức tại thành phố Siracusa (đảo Sicily, Ý) từ ngày 30/4 đến 4/5/1984. Hội nghị này được chủ trì bởi một số tổ chức phi chính phủ bảo vệ quyền con người, với sự tham gia

thông qua các nguyên tắc về hạn chế và tạm đình chỉ thực hiện quyền con người - gọi là Các nguyên tắc Siracusa. Các nguyên tắc này đã được Hội đồng kinh tế, xã hội (ECOSOC) của Liên hợp quốc chấp thuận và đưa vào phụ lục của Nghị quyết - UN Doc E/ CN.4/1985/4 (1985) của Liên Hợp quốc.

Các nguyên tắc Siracusa đã giải thích, làm rõ thêm các quy định về hạn chế và tạm đình chỉ thực hiện các quyền con người trong công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị như sau:

i) Nguyên tắc các quyền con người có thể bị hạn chế phải “theo quy định của luật - prescribed by law”;

ii) Nguyên tắc hạn chế quyền con người vì lý do duy nhất là thúc đẩy lợi ích chung “trong một xã hội dân chủ - in a democratic society”;

iii) Nguyên tắc hạn chế quyền con người là cần thiết vì “trật tự công cộng - public order (ordre public)”;

iv) Nguyên tắc hạn chế quyền con người là cần thiết vì “sức khỏe của cộng đồng - public health”;

v) Nguyên tắc hạn chế quyền con người là cần thiết vì lý do “đạo đức xã hội/cộng đồng - public morals (ordre public)”;

vi) Nguyên tắc hạn chế quyền con người là cần thiết vì lý do “an ninh quốc gia - national security”;

vii) Nguyên tắc hạn chế quyền con người vì lý do “an toàn công cộng - public safety”;

viii) Nguyên tắc hạn chế quyền con người vì lý do bảo vệ “quyền và tự do của người khác - rights and freedoms of others hoặc “quyền và danh tiếng của người khác - rights or reputations of others”;

ix) Nguyên tắc hạn chế quyền con người trong “phiên tòa công khai - restrictions on public trial”;

x) Vấn đề tạm đình chỉ thực hiện quyền hay thoái lui nghĩa vụ quốc gia trong thực hiện quyền con người khi áp đặt tình trạng khẩn cấp quốc gia.

---

của đồng đảo các nhà nghiên cứu và hoạt động bảo vệ quyền con người.

“*Tình trạng khẩn cấp đe dọa đến đời sống quốc gia*”, đó là a) mối đe dọa đó có ảnh hưởng đến toàn bộ dân số và toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ của quốc gia, b) đe dọa sự toàn vẹn về thể chất của dân số, sự độc lập chính trị hoặc sự toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia hoặc sự tồn tại hoặc hoạt động cơ bản của các thiết chế không thể thiếu để đảm bảo và thực thi các quyền được công nhận trong công ước.

## 2. Sự vận dụng các quy định về hạn chế quyền con người trong luật quốc tế vào lĩnh vực không gian mạng ở Việt Nam

### 2.1. Khái niệm không gian mạng

Không gian mạng hay còn gọi là không gian ảo (từ tiếng Anh là cyberspace). Đây là môi trường nhân tạo, con người không trực tiếp gặp nhau, nhưng lại có thể trao đổi thông tin, liên lạc với nhau qua một hệ thống mạng, được kết nối toàn cầu - mạng toàn cầu, trên cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, giữa các vùng, khu vực và toàn cầu. Theo khoản 3, Điều 1 Luật An ninh mạng năm 2018, “Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian” [3].

Không gian mạng hiện nay được sử dụng phổ biến và bắt đầu phát triển từ thập niên 90 của thế kỷ trước, “khi thế giới bắt đầu chứng kiến sự bùng nổ của mạng internet cũng như sự phát triển vượt bậc của các công nghệ bán dẫn, kỹ thuật số, hệ thống điện toán, thông tin liên lạc và đây cũng chính là thành tựu quan trọng nhất trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 3 [3].

Ở Việt Nam, khi nghiên cứu khái niệm không gian mạng cho thấy rất gần với khái niệm môi trường mạng. Khoản 3, Điều 4, Luật Công nghệ thông tin năm 2006 giải thích: “Môi trường

mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua cơ sở hạ tầng thông tin” [4].

Khoản 4, Điều 4, Luật Công nghệ thông tin năm 2006 cũng giải thích: “Cơ sở hạ tầng thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu”.

Khoản 5, Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định: Cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo lập, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng quốc gia, bao gồm:

a) Hệ thống truyền dẫn bao gồm hệ thống truyền dẫn quốc gia, hệ thống truyền dẫn kết nối quốc tế, hệ thống vệ tinh, hệ thống truyền dẫn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng.

b) Hệ thống các dịch vụ lõi bao gồm hệ thống phân luồng và điều hướng thông tin quốc gia, hệ thống phân giải tên miền quốc gia (DNS), hệ thống chứng thực quốc gia (PKI/CA) và hệ thống cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập Internet của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng.

c) Dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm dịch vụ trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin có kết nối mạng phục vụ quản lý, điều hành của cơ quan, tổ chức, tập đoàn kinh tế, tài chính quan trọng; cơ sở dữ liệu quốc gia.

Dịch vụ trực tuyến bao gồm chính phủ điện tử, thương mại điện tử, trang thông tin điện tử, diễn đàn trực tuyến, mạng xã hội, blog.

d) Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của đô thị thông minh, Internet vạn vật, hệ thống phục hợp thực - ảo, điện toán đám mây, hệ thống dữ liệu lớn, hệ thống dữ liệu nhanh và hệ thống trí tuệ nhân tạo.

Như vậy, không gian mạng hay môi trường mạng, có thể khác nhau về ngữ nghĩa, nhưng về bản chất không khác nhau vì đều là không gian

ảo, nơi con người có thể liên lạc, kết nối, trao đổi, giao tiếp được với nhau. Sự phát triển không gian mạng/môi trường mạng phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng thông tin ở mỗi quốc gia. Hiện nay ở Việt Nam và thế giới nói chung, không gian mạng rất rộng lớn, hệ thống các mạng đang được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam bao gồm cả các trình duyệt web (Google, Chrome, Mozilla Firefox, Opera, Safari,...); các trang web tin tức (VnExpress, Yahoo! Tin tức, Zing news, VTC New,...); các mạng xã hội (Facebook, Twitter, YuMe, Instagram, Zing me, Youtube, Skype, WeChat, Google Plus, Go.vn,...); các tìm kiếm, tra cứu (Google map, Bing, Google Docs,...); các tiện ích (chuyển tiền, việc làm, email, thiệp điện tử,...); các trang mạng mua bán, kinh doanh, học tập, âm nhạc, giải trí,...[5]

## 2.2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và việc hạn chế quyền và tự do dân chủ của cá nhân, công dân trên không gian mạng

### 2.2.1. Sử dụng, bảo vệ và thực hiện quyền và tự do trên không gian mạng

Môi trường mạng là không gian rộng lớn, cá nhân, công dân và bất kỳ cơ quan tổ chức đều có thể tự do bày tỏ quan điểm chứng kiến, kết nối trao đổi với nhau. Đó là quyền tự do của cá nhân - quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin (tự do tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin) trên không gian mạng. Đây là quyền tự do cơ bản của công dân được pháp luật quốc tế, Hiến pháp và pháp luật Việt Nam tôn trọng và bảo vệ.

Điều 11, Luật Báo chí năm 2016 quy định quyền tự do ngôn luận trên báo chí, như vậy có nghĩa là tự do ngôn luận không chỉ báo giấy, báo hình mà trên báo chí điện tử (không gian mạng). Các quyền này của công dân bao gồm: Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới; Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

Tương tự quyền tự do bày tỏ quan điểm, chính kiến của công dân trên không gian mạng, công dân có quyền tiếp cận thông tin từ chính môi trường mạng. Luật Tiếp cận thông tin quy định, quyền của công dân được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Luật An ninh mạng quy định một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng là “bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên không gian mạng” (khoản 3, Điều 4, Luật An ninh mạng năm 2018).

Như vậy, với hành lang pháp lý hiện nay, cá nhân, công dân có quyền tự do được sử dụng không gian mạng vì lợi ích cá nhân; có quyền được bảo vệ các quyền và tự do của mình từ phía các cơ quan công quyền và chủ động tự thực hiện/thực hành quyền tự do cá nhân trên không gian mạng.

2.2.2. Nguyên tắc hạn chế thực hiện quyền tự do cá nhân trên không gian mạng

Phù hợp với chuẩn mực quốc tế, mỗi cá nhân, công dân trong khi sử dụng, thực hiện các quyền và tự do của mình thì phải có nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội, đối với quốc gia, dân tộc mà mình đang sống. Điều này có nghĩa là khi sử dụng và thực hiện quyền và tự do cá nhân không được ảnh hưởng/xâm phạm an ninh quốc gia; trật tự công cộng, đạo đức xã hội; quyền và tự do của người khác. Vấn đề này theo chuẩn mực quốc tế được gọi là *hạn chế quyền con người*.

Vậy tại sao lại phải có hạn chế? Hạn chế này là để bảo đảm vì lợi ích chung của xã hội, vì lợi ích cộng đồng trong một xã hội dân chủ; vì các lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội, vì quyền và tự do của người khác.

Cụ thể hóa nguyên tắc hạn chế thực hiện quyền và tự do cá nhân, Luật An ninh mạng và các luật có liên quan khác đã quy định bằng các hành vi bị nghiêm cấm.

2.2.3. Các hành vi bị nghiêm cấm trên không gian mạng (Điều 8 Luật An ninh mạng năm 2018)

Luật An ninh mạng năm 2018 quy định 6 nhóm hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

*Nhóm hành vi thứ nhất:* Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này gồm:

- Sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, gồm: Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 và hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng (quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật An ninh mạng); Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng; Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; Hành vi khác sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

- Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

- Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm

phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

- Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

- Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

*Nhóm hành vi thứ hai:* Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

*Nhóm hành vi thứ ba:* Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

*Nhóm hành vi thứ bốn:* Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

*Nhóm hành vi thứ năm:* Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

*Nhóm hành vi thứ sáu:* Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

### 3. Một số ý kiến kiến nghị

- *Thứ nhất*, về cơ bản các văn bản pháp luật của Việt Nam được ban hành sau Hiến pháp năm 2013 đã xây dựng, ban hành theo hướng tiếp cận

bảo vệ quyền con người, quyền công dân phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế; trong đó đặc biệt nguyên tắc hạn chế quyền con người phải thực sự cấp thiết là vì các lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng và các hạn chế này phải được quy định trong luật. Tuy nhiên, từ nguyên tắc chung này, cũng đã xuất hiện một số đòi hỏi cần phải được làm rõ hơn như nguyên tắc quyền con người có thể bị hạn chế. Hiến pháp lại chưa chỉ rõ quyền nào là quyền có thể bị hạn chế, vì theo chuẩn mực quốc tế như đã phân tích không phải tất cả các quyền con người đều có thể bị hạn chế. Do vậy, nếu không được giải thích và làm rõ trong Hiến pháp, luật, các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước rất dễ nhầm hiểu tất cả các quyền con người đều có thể bị hạn chế, và như vậy không thể tránh khỏi sự lạm dụng quyền lực trong thực thi công vụ.

Trước yêu cầu đáp ứng các tiêu chí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đặc biệt bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đòi hỏi tiêu chí về hệ thống pháp luật dân chủ, nhân đạo, minh bạch, tôn trọng, bảo vệ quyền con người, cần thiết cụ thể hóa chi tiết các quyền có thể bị hạn chế bằng các đạo luật; đồng thời có sự giải thích, mô tả rõ các lý do có thể dẫn tới hạn chế các quyền con người như quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng là gì, để được hiểu và áp dụng thống nhất. Hiện nay các lý do có thể dẫn tới việc hạn chế quyền con người đang là điểm thiếu vắng trong hệ thống pháp luật, thậm chí là điểm nghẽn có thể cản trở việc thực hiện quyền con người, quyền công dân.

- *Thứ hai*, chuẩn mực quốc tế đều có sự giải thích các nguyên tắc hạn chế quyền phải được quy định trong luật như trong một xã hội dân chủ; vì các lý do: trật tự công cộng/trật tự công; sức khỏe cộng đồng; đạo đức xã hội; an ninh quốc gia; an toàn công cộng; quyền và tự do của người khác hoặc quyền và danh tiếng của người khác. Trong khi đó, khoản 2, Điều 14 Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam mới chỉ dừng lại ở nguyên tắc chung: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của



luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” [6]. Nguyên tắc và lý do này lại chưa được giải thích cụ thể trong luật, nên rất dễ có cách hiểu, vận dụng và áp dụng không thống nhất trên thực tế. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu, tiêu chí về hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền, đòi hỏi các lý do dẫn tới hạn chế quyền cần phải được giải thích và chỉ ra một cách rõ ràng, minh bạch, chẳng hạn quyền nào và trong trường hợp nào sẽ bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia; quyền nào và trong trường hợp nào bị hạn chế vì lý do an toàn trật tự, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng hoặc là tất cả các lý do trên [7]. Hiện nay chỉ một số khái niệm được giải thích trong luật như khái niệm quốc phòng, an ninh quốc gia được ghi nhận trong các Luật An ninh quốc gia 2014 và Luật Quốc phòng 2018. Việc giải thích các quy định của Hiến pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng cơ quan này hiếm khi thực hiện quyền giải thích Hiến pháp, mà dành việc giải thích thuật ngữ trong các luật chuyên ngành [8]. Do vậy, cần thiết nghiên cứu lại thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có thể chuyển giao sang thẩm quyền cho Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thực hiện việc giải thích Hiến pháp và luật.

*Thứ ba*, chuẩn mực quốc tế đã quy định rất rõ vấn đề tạm đình chỉ thực hiện quyền/thoái lui nghĩa vụ quốc gia trong thực hiện quyền con người khi áp đặt tình trạng khẩn cấp quốc gia và các biện pháp áp dụng không được trái quy định trong các điều Điều 6 (quyền sống); Điều 7 (quyền không bị tra tấn và các hình thức trừng phạt vô nhân đạo, hạ nhục hoặc bị sử dụng làm thí nghiệm y học, khoa học nếu không có sự đồng ý của người đó); Điều 8 (không bị bắt giữ làm nô lệ, nô dịch); Điều 11 (không bị bỏ tù vì lý do không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng); Điều 15 (không được áp dụng hình phạt tử hình); Điều 16 (được công nhận là thể nhân trước pháp luật) và Điều 18 (quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo) [8].

Về vấn đề này, pháp luật Việt Nam, nhất là Hiến pháp chưa có quy định cụ thể, nhất là quy định rõ các quyền mà Nhà nước có thể tạm thời

chưa thực hiện trong bối cảnh tình trạng khẩn cấp quốc gia và quy định về các biện pháp áp dụng không được trái với điều (Điều 6, 7, 8, 11, 15, 16, 18 của ICCPR) [9]. Do vậy, thời gian tới cần thiết nghiên cứu sửa đổi, nâng thành luật đối với Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp năm 2000 (trong bối cảnh thế giới vừa trải qua đại dịch toàn cầu về viêm đường hô hấp cấp; nhiều nước trên thế giới đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp quốc gia, áp đặt hàng loạt các giới hạn/hạn chế quyền và tự do cá nhân, nhất là quyền tự do đi lại, tự do tụ họp...); bảo đảm việc hạn chế quyền và tự do cá nhân, việc tạm đình chỉ thực hiện quyền/hay thoái lui nghĩa vụ của Nhà nước trong thực hiện quyền phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

- *Thứ tư*, đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, cần quán triệt và thực hiện đầy đủ quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đó là “pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải liên tục được hoàn thiện để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, phát huy dân chủ, vì con người, công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân” [10]. Và như vậy, cần đảm bảo “không để một số điều luật trở thành điểm nghẽn cản trở thực hiện quyền con người, quyền công dân và phát triển kinh tế - xã hội” [10], và nhất quyết “xóa bỏ tư duy quản không được thì cấm”.

Thực trạng này đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, do vậy trước mắt rà soát các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, điều chỉnh các lĩnh vực trên không gian mạng để kiến nghị đình chỉ hay bãi bỏ và đưa nguyên tắc này vào dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi). Đồng thời với việc xóa bỏ tư duy quản không được thì cấm, song song với thực hiện triệt để nguyên tắc “công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” trên môi trường không gian mạng.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu nội hàm vấn đề hạn chế quyền con người trên không gian mạng là rộng lớn và

phức tạp, vì liên quan tới hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt thể hiện mức độ tham gia và thụ hưởng quyền con người trong đời sống xã hội của mỗi cá nhân, công dân. Tuy nhiên, việc lạm dụng quyền con người, cụ thể là các quyền tự do, dân chủ có thể thể dẫn tới những bất ổn xã hội, nhưng ngược lại nếu Nhà nước áp đặt quá mức các hạn chế đối với các quyền và dự do dân chủ trên không gian mạng có thể dẫn tới sự kìm hãm sự hưởng thụ quyền con người, cản trở sự tham gia của người dân trong tiến trình phát triển. Chính vì vậy, bảo đảm quyền con người gắn với vấn đề hạn chế quyền con người trên không gian mạng, trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đặc biệt khi đất nước chính thức bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đòi hỏi các hạn chế quyền con người phải tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, trong đó phải thực sự vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội hay vì quyền và tự do của người khác. Các hạn chế quyền con người phải được quy định trong luật theo các tiêu chí pháp luật trong Nhà nước pháp quyền đó là công khai, minh bạch, ổn định, dân chủ, nhân đạo, dễ tiếp cận, bảo vệ quyền và tự do của con người; không để các điều luật tạo thành điểm nghẽn cản trở thực hiện quyền con người và phát triển kinh tế, xã hội.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Viện nghiên cứu quyền con người, Một số văn kiện của Liên Hợp quốc về quyền con người trong quản lý tư pháp, NXB Công an nhân dân, 2009, tr. 14.
- [2] Viện nghiên cứu quyền con người, Một số văn kiện của Liên Hợp quốc về quyền con người trong quản lý tư pháp, NXB Công an nhân dân, 2009, tr. 22. Để biết rõ hơn về nguyên tắc hạn chế các quyền kinh tế xã hội và văn hóa, xem thêm The Limburg Principles on the Implementation of the International Covenant on Economic, Social And Cultural Rights (Un Doc. E/Cn.4/1987/17).
- [3] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/Luat-an-ninh-mang-2018-351416.aspx>. (accessed on September 19<sup>th</sup>, 2024).
- [4] Luật Công nghệ thông tin năm 2006. Tại trang [https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/luat-cong-nghe-thong-tin-2006-67-2006-qh11-12987.aspx?\\_ga=2.129915531.66160487.1584246755-406621025.1565396200](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/luat-cong-nghe-thong-tin-2006-67-2006-qh11-12987.aspx?_ga=2.129915531.66160487.1584246755-406621025.1565396200). (accessed on: March 19<sup>th</sup>, 2020).
- [5] Nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tại trang <http://tuyengiao.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/nang-cao-y-thuc-lam-chu-va-bao-ve-khong-gian-mang-cua-can-bo-dang-vien-va-nhan-dan-121151>. (accessed on: March 15<sup>th</sup>, 2020).
- [6] Hiến pháp năm 2013, hiến pháp năm 2013 - Search. (accessed on: March 15<sup>th</sup>, 2020).
- [7] Hạn chế quyền con người theo Hiến pháp 2013 và pháp luật quốc tế. Tại trang: Hạn chế quyền con người theo Hiến pháp 2013 và pháp luật quốc tế ([luatduonggia.vn](http://luatduonggia.vn)), (accessed on: March 15<sup>th</sup>, 2020).
- [8] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lý luận chính trị - Hà Nội, 2021, tr. 29.
- [9] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Các văn kiện quốc tế, khu vực về quyền con người, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2023, tr. 119 - 120.
- [10] T. Lâm, Phát huy tính Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại trang, <https://baochinhphu.vn/phat-huy-tinh-dang-trong-xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-102241019142658209.htm>. (accessed on: September 19<sup>th</sup>, 2024).